

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi
ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên; bà Bùi Thị Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2023 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Q, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1996

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là anh Lê Văn H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Phạm Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 02/8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, xô xát, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách cư xử hằng ngày. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Q, huyện K sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, anh có mấy lần xuống tìm chị N về nhưng chị N không về. Anh thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị N.

Anh và chị N có 02 con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 31/5/2015 và Lê Minh Q, sinh ngày 24/4/2019, cả 02 con đang ở cùng anh. Từ ngày chị N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống không quan tâm, hỏi han gì đến con. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Hiện tại, anh làm công nhân tại Công ty TNHH L tại xã V, huyện K thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng, anh và các con đang ở cùng bố mẹ đẻ anh, bố mẹ đẻ anh sẽ hỗ trợ anh trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Còn chị N làm công nhân tại công ty M1, thu nhập thế nào anh không biết.

Anh và chị N tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là Phạm Thị N không trình bày lời khai, không tham gia tố tụng tại Tòa án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ anh H) trình bày:

Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đầu tháng 8/2023 anh H và chị N xảy ra mâu thuẫn, xảy ra cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con, trong cách cư xử hằng ngày với gia đình và họ hàng hai bên. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Q, huyện K sinh sống, nhiều lần anh H1 đến tìm chị N về nhưng chị

N không về. Bà thấy anh H và chị N khó đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh H và chị N có 02 con chung như anh H đã trình bày là đúng, các con đang ở cùng anh H và gia đình bà. Đề nghị Tòa án giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, việc cấp dưỡng nuôi con do vợ chồng quyết định. Bà và gia đình tiếp tục hỗ trợ anh H trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con.

Tài sản chung của vợ chồng do hai người tự giải quyết, anh chị không nợ cá nhân, tổ chức, đoàn thể nào.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách cư xử hằng ngày. Anh H và chị N đã sống ly thân, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Q, huyện K sinh sống. Việc anh H và chị N đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh H và chị N có 02 con chung như anh H đã trình bày là đúng, anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Việc anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng người, phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Anh H là công nhân tại Công ty L, chị N là công nhân may, thu nhập của vợ chồng thế nào địa phương không biết.

Về tài sản chung của anh H và chị N do anh chị quyết định, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn H được ly hôn chị Phạm Thị N.

+ Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 31/5/2015 và Lê Minh Q, sinh ngày 24/4/2019; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng cho con. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là chị Phạm Thị N không trình bày lời khai, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là anh Lê Văn H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Lê Văn H và chị Phạm Thị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 02/8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, xô xát, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách cư xử hằng ngày. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Q, huyện K sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, anh H nhiều lần đến tìm chị N về nhưng chị N không về. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh H và chị N ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn

nhân và Gia đình, xử cho anh Lê Văn H được ly hôn chị Phạm Thị N là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Anh H và chị N có 02 con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 31/5/2015 và Lê Minh Q, sinh ngày 24/4/2019, các con đang ở cùng anh H. Ly hôn, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy: Anh H có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở nên có đủ điều kiện để nuôi con, các con đang học tập và sinh sống ổn định, con Lê Thùy T có nguyện vọng ở với anh H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con nên cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thùy T và Lê Minh Q là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi cho các con. Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho các con nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chị N chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Lê Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn H được ly hôn chị Phạm Thị N.
2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 31/5/2015 và Lê Minh Q, sinh ngày 24/4/2019; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng cho con.

Anh H và chị N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002045 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái